

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2023
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hùng.

2. Ông Ma Quốc Thể.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tô Thị K** – Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T** – Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tô Thị K có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp trong hôn nhân. Chị và anh T hiện đang sống ly thân với nhau. Chị K xét thấy

tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị K và anh T có hai con chung.

- Cháu Trần Quang H – Sinh ngày: 17/3/2013.

- Cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016.

Sau khi ly hôn, chị K có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Tô Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là trong quá trình đi làm, chị K có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác; gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị K vẫn không thay đổi. Anh và chị K hiện đang sống ly thân với nhau. Anh T không nhất trí ly hôn với chị K, có nguyện vọng muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T và chị K có hai con chung.

- Cháu Trần Quang H – Sinh ngày: 17/3/2013.

- Cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016.

Hiện tại, cháu H và cháu V đang ở cùng với anh T và bố mẹ đẻ của anh T. Do anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị K nên anh T không có ý kiến gì về phần con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị K nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Tô Thị K trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu H và cháu V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị K cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: Chị K và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh T không nhất trí ly hôn với chị K, muốn vợ chồng quay về đoàn tụ. Về con chung: Nếu trường hợp phải ly hôn, anh T nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu V đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Tô Thị K đối với anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Tô Thị K và anh Trần Văn T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Quang H – Sinh ngày: 17/3/2013 và cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tô Thị K cấp dưỡng nuôi cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016 số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Tô Thị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Tô Thị K và anh Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị K khởi kiện về việc xin ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị K và anh Trần Văn T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xác định chị K có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, chồng con.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn; vợ chồng đã sống ly thân với nhau nhưng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh T là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận quan điểm không nhất trí ly hôn và muốn vợ chồng quay về đoàn tụ của anh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị K và anh T có hai con chung.

- Cháu Trần Quang H – Sinh ngày: 17/3/2013.

- Cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016.

Chị K và anh T cùng có có nguyện vọng giao cháu H và cháu V cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

HĐXX nhận thấy: Cháu H và cháu V đang ở độ tuổi còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Quá trình nuôi con, chị K và anh T không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Chị K và anh T có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định và đều có thu nhập hàng tháng, đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đầy đủ về điều kiện sinh hoạt, học tập cho con. Cháu H và cháu V đều có nguyện vọng ở cùng bố là anh T.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống của cháu H và cháu V, cần chấp nhận nguyện vọng của chị K và anh T về nuôi con chung là có căn cứ. Giao cháu H và cháu V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K và anh T cùng có quan điểm: Chị K cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi. HĐXX, quan điểm của chị K và anh T về cấp dưỡng nuôi con phù hợp với điều kiện sinh hoạt, mức chi phí hàng tháng của cháu V nên cần chấp nhận là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tô Thị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Tô Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của chị Tô Thị K đối với anh Trần Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Tô Thị K và anh Trần Văn T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Quang H – Sinh ngày: 17/3/2013 và cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 20/9/2023.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tô Thị K cấp dưỡng nuôi cháu Trần Gia V - Sinh ngày: 07/01/2016 số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi cháu V trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Tô Thị K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Chị Tô Thị K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002812 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Chị Tô Thị K còn phải nộp số tiền 300.000đ*).

5. Quyền kháng cáo: Chị Tô Thị K và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường